ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1464 /QĐ-UBND	*Quảng Nam, ngày 01 tháng 6 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan hành chính nhà nước trong thực hiện cải cách hành chính

Ban Dân tộc Tỉnh Quảng Nam
04.06.2020 15:25:41 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 157/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ quy định về chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của nhà nước trong thi hành nhiệm vụ, công vụ;

Căn cứ Nghị định 34/2011/NĐ-CP ngày 17/5/2011 của Chính phủ về xử lý kỷ luật đối với công chức;

Căn cứ Nghị định 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật đối vối viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1063/TTr-SNV ngày 19/5/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan hành chính nhà nước trong thực hiện cải cách hành chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2190/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh;
- Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy 18 huyện, TX, TP;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC, HCTC, KSTTHC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Quang Bửu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan hành chính nhà nước trong thực hiện cải cách hành chính

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1464 /QĐ-UBND ngày 01 /6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định trách nhiệm người đứng đầu các Sở, Ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi tắt là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương) trong việc chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

2. Cấp phó của người đứng đầu chịu trách nhiệm như người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương đối với các lĩnh vực được phân công trực tiếp phụ trách hoặc được ủy quyền thực hiện.

Điều 3. Nguyên tắc xác định trách nhiệm người đứng đầu trong thực hiện cải cách hành chính

1. Việc xem xét, xác định trách nhiệm người đứng đầu phải dựa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể và điều kiện thực tế của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Trong trường hợp người đứng đầu đã làm hết trách nhiệm và áp dụng mọi biện pháp cần thiết để phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi vi phạm trong thực hiện cải cách hành chính thì được xem xét giảm nhẹ hoặc miễn trách nhiệm.

3. Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện cải cách hành chính là một trong những căn cứ đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, bình xét thi đua, khen thưởng hằng năm.

Chương II

TRÁCH NHIỆM NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG TRONG THỰC HIỆN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Điều 4. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

1. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch cải cách hành chính

a) Xây dựng, ban hành kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn, hằng năm theo quy định, kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh và chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Triển khai, tổ chức thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ cải cách hành chính theo kế hoạch hằng năm của tỉnh và của cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch cải cách hành chính hằng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Kiểm tra công tác cải cách hành chính

a) Hằng năm, ban hành kế hoạch và tổ chức kiểm tra công tác cải cách hành chính để đánh giá mức độ thực hiện kế hoạch cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị trực thuộc; xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra và theo dõi, đôn đốc việc khắc phục các hạn chế, tồn tại sau kiểm tra.

b) Chủ động phối hợp với đoàn kiểm tra công tác cải cách hành chính của cấp có thẩm quyền kiểm tra tại cơ quan, đơn vị, địa phương và chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các thông tin, báo cáo, số liệu theo yêu cầu của đoàn kiểm tra.

3. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính

a) Ban hành, tổ chức thực hiện kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính nhằm phổ biến, quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về công tác cải cách hành chính đến người dân, doanh nghiệp.

b) Đánh giá mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính; kiểm tra, đôn đốc việc cập nhật các văn bản chỉ đạo, điều hành và thông tin hoạt động về cải cách hành chính trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương.

4. Về thực hiện chế độ thông tin báo cáo

a) Thực hiện chế độ báo cáo về cải cách hành chính bảo đảm đầy đủ nội dung và đúng thời gian quy định.

b) Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết công tác cải cách hành chính nhằm đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện.

5. Xác định Chỉ số cải cách hành chính hằng năm

a) Đánh giá kết quả, chấm điểm xác định Chỉ số cải cách hành chính hằng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

b) Trên cơ sở kết quả xác định Chỉ số cải cách hành chính hằng năm do cơ quan cấp trên công bố, tổ chức phân tích các tiêu chí thành phần, nguyên nhân, đề ra các giải pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế nhằm đẩy mạnh công tác cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện kịp thời chỉ đạo triển khai xác định và công bố Chỉ số cải cách hành chính của các xã, phường, thị trấn trên địa bàn.

6. Thực hiện các giải pháp về chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính như: Phân công lãnh đạo, tổ chức, công chức phụ trách từng lĩnh vực cải cách hành chính đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ; quan tâm bố trí kinh phí cho công tác cải cách hành chính; gắn kết quả thực hiện cải cách hành chính với công tác thi đua khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương.

7. Kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương giao theo lĩnh vực được phân công phụ trách, theo dõi.

Điều 5. Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật

1. Tham mưu, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị, địa phương theo đúng quy định pháp luật và đảm bảo chất lượng, thời gian theo chương trình công tác đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

2. Ban hành và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị, địa phương; rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị, địa phương và xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 6. Thực hiện cải cách thủ tục hành chính

1. Công tác kiểm soát thủ tục hành chính: Hằng năm, ban hành và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính của cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định.

2. Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính

a) Ban hành và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định. Chủ động nghiên cứu, thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính; tham mưu, đề xuất rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định của Trung ương.

b) Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát thủ tục hành chính của cơ quan, đơn vị để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; kiến nghị, xử lý kết quả rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính theo quy định.

3. Công bố, công khai thủ tục hành chính

a) Thường xuyên thống kê, cập nhật để trình công bố mới, công bố sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ thủ tục hành chính khi quy định pháp luật liên quan đến thủ tục hành chính có sự thay đổi.

b) Tổ chức niêm yết công khai, đầy đủ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị, địa phương; Trung tâm Hành chính công tỉnh, Trung tâm Hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã; trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương; đồng thời, niêm yết công khai địa chỉ email, số điện thoại của lãnh đạo theo quy định.

4. Xử lý nghiêm cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm, nhũng nhiễu, gây khó khăn, phiền hà trong việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

5. Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức liên quan đến thủ tục hành chính; theo dõi, đôn đốc quá trình xử lý phản ánh, kiến nghị về thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

6. Định kỳ ít nhất 01năm/01lần tổ chức đối thoại với tổ chức, cá nhân về giải quyết thủ tục hành chính và tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức đối với người dân, doanh nghiệp.

7. Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

a) Bố trí công chức, viên chức đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 11, Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ làm việc tại Trung tâm Hành chính công tỉnh; Trung tâm Hành chính công/Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã..

b) Có 100% thủ tục hành chính được giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, Trung tâm Hành chính công/Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã; đảm bảo số lượng hồ sơ được giải quyết đúng hạn đạt trên 98%.

c) Nghiêm túc gửi Thư xin lỗi người dân, doanh nghiệp khi để xảy ra các hành vi vi phạm quy định về tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 7. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

1. Thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy của cơ quan, đơn vị, địa phương theo đúng các quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan cấp trên có thẩm quyền.

2. Thường xuyên rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức biên chế, số người làm việc hiện có của cơ quan, đơn vị, địa phương và các đơn vị trực thuộc. Định kỳ kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của cơ quan, đơn vị trực thuộc; xử lý hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra.

3. Thực hiện đúng quy định của nhà nước về sử dụng biên chế hành chính, số lượng người làm việc trong cơ quan, đơn vị, địa phương.

4. Thực hiện nghiêm các quy định về phân cấp do Bộ, ngành Trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành. Tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được phân cấp; xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các vấn đề về phân cấp được phát hiện qua kiểm tra.

Điều 8. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức

1. Tổ chức thực hiện cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp theo Đề án vị trí việc làm được phê duyệt; bố trí công chức, viên chức được tuyển dụng đúng vị trí việc làm và cơ cấu ngạch, bậc.

2. Thực hiện quản lý, sử dụng công chức, viên chức (tuyển dụng, bổ nhiệm, đề xuất công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng, dự thi nâng ngạch, thi thăng hạng...*)* đảm bảo đúng quy định; việc giải quyết chính sách tinh giản biên chế thực hiện đảm bảo theo tỷ lệ và lộ trình quy định.

3. Kịp thời chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính; đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức trong cơ quan, đơn vị, địa phương.

4. Việc chuyển đổi vị trí công tác đối với chức danh được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 9. Cải cách tài chính công

1. Thực hiện đúng quy định cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Chỉ đạo các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện có hiệu quả các quy định về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong sử dụng kinh phí được giao; thực hiện các quy định của Trung ương và của tỉnh về kiện toàn, sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển các đơn vị sự nghiệp sang tự đảm bảo toàn bộ, đảm bảo một phần chi thường xuyên hoặc chuyển thành công ty cổ phần theo đúng quy định.

3. Quản lý tài chính, tài sản công đúng quy định, bảo đảm sử dụng và hoạt động hiệu quả.

4. Rà soát, xây dựng, ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung và tổ chức thực hiện tốt Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công; Quy chế dân chủ; Chương trình, Kế hoạch phòng chống tham nhũng; Chương trình, Kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định.

Điều 10. Hiện đại hóa nền hành chính

1. Ban hành và triển khai thực hiện kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định.

2. Triển khai thực hiện kết nối, liên thông phần mềm quản lý văn bản giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương *(đến cấp xã)*, giữa lãnh đạo và công chức, viên chức; tăng cường trao đổi văn bản, giải quyết công việc giữa các cơ quan, đơn vị dưới dạng điện tử và thực hiện nghiêm chế độ bảo mật theo quy định.

3. Hoàn thiện Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương; đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 cho tổ chức, công dân.

4. Triển khai sử dụng chữ ký số chuyên dùng trong các giao dịch điện tử phục vụ quản lý, điều hành, xử lý công việc và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

5. Đẩy mạnh tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích đối với những thủ tục hành chính đã được cấp có thẩm quyền công bố.

6. Hoàn thành việc chuyển đổi áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động các cơ quan, đơn vị, địa phương trước ngày 31/12/2020.

Chương III

ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TRONG THỰC HIỆN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Điều 11. Đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ cải cách hành chính

Việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của người đứng đầu trong thực hiện công tác cải cách hành chính được căn cứ vào các nội dung quy định tại Chương II Quy định này và kết quả xếp hạng công tác cải cách hành chính của năm gần nhất để áp dụng, cụ thể:

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đầy đủ, đúng các nội dung, trách nhiệm theo quy định tại Chương II Quy định này và có kết quả chỉ số cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị, địa phương của năm gần nhất đạt từ 85% trở lên theo kết quả công bố chỉ số cải cách hành chính của cấp có thẩm quyền thì được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đầy đủ, đúng các nội dung, trách nhiệm theo quy định tại Chương II Quy định này và có kết quả chỉ số cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị, địa phương của năm gần nhất đạt từ 75% đến dưới 85% theo kết quả công bố chỉ số cải cách hành chính của cấp có thẩm quyền thì được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

3. Hoàn thành nhiệm vụ

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đúng nhưng chưa đầy đủ các nội dung, trách nhiệm theo quy định tại Chương II Quy định này và có kết quả chỉ số cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị, địa phương trong năm gần nhất đạt từ 60% đến dưới 75% theo kết quả công bố chỉ số cải cách hành chính của cấp có thẩm quyền thì được xếp loại hoàn thành nhiệm vụ trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

4. Không hoàn thành nhiệm vụ

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương không thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung, trách nhiệm theo quy định tại Chương II Quy định này và có kết quả chỉ số cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị, địa phương của năm gần nhất đạt dưới 60% theo kết quả công bố chỉ số cải cách hành chính của cấp có thẩm quyền thì bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

Điều 12. Thời điểm đánh giá, phân loại

Việc đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ cải cách hành chính là một trong những tiêu chí để đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức hằng năm; kết quả được tính sau khi có quyết định phê duyệt và kết quả công bố chỉ số cải cách hành chính của năm gần nhất đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 13. Thẩm quyền đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã .

3. Việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ cấp phó người đứng đầu được thực hiện theo thẩm quyền phân cấp quản lý.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc Sở Nội vụ

a) Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

b) Phối hợp với các cơ quan chức năng xem xét, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ người đứng đầu trong quá trình thực hiện công tác cải cách hành chính.

c) Tổng hợp và đề xuất khen thưởng đối những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính hoặc đề xuất xử lý trách nhiệm đối với cá nhân để xảy ra vi phạm trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính theo quy định.

2. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương

a) Quán triệt, triển khai Quy định này cho cán bộ, công chức tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình và thực hiện nghiêm túc nội dung của Quy định.

b) Kiểm tra việc thực hiện và xử lý các hành vi vi phạm theo quy định.

c) Tổng hợp, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) kết quả triển khai thực hiện.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, bất cập, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương có văn bản phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Quang Bửu